



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000001 | 1201020046 | Đinh Thu         | An    | 07/12/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000002 | 1201020058 | Lê Phương        | Anh   | 14/01/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000003 | 1201020070 | Nguyễn Quế       | Anh   | 24/10/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000004 | 1201020079 | Phạm Hải         | Anh   | 17/11/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000005 | 1201020085 | Trần Diệu        | Anh   | 03/10/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000006 | 1201021663 | Đỗ Thị Ngọc      | Ánh   | 10/01/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000007 | 1201021792 | Phan Lưu Minh    | Ánh   | 23/05/2004 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000008 | 1201020109 | Phạm Quỳnh       | Chi   | 19/06/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000009 | 1201021692 | Phạm Thành       | Đạt   | 02/09/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000010 | 1201020115 | Đào Ngọc         | Diệp  | 06/04/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000011 | 1201021694 | Đỗ Xuân          | Đức   | 09/08/2004 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000012 | 1201020128 | Dương Anh        | Dũng  | 05/08/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000013 | 1201020135 | Nguyễn Thị Thùy  | Dương | 10/01/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000014 | 1201021484 | Đỗ Thị Hương     | Giang | 12/11/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000015 | 1201020154 | Vũ Thị Thu       | Hà    | 10/09/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000016 | 1201020164 | Nguyễn Thị Thu   | Hằng  | 16/07/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000017 | 1201021768 | Ngô Thị          | Hào   | 28/09/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000018 | 1201021821 | Trần Thị Thu     | Hiền  | 02/10/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000019 | 1201020189 | Đặng Thu         | Hương | 23/05/2004 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000020 | 1201020204 | Lê Thị Trần      | Huyền | 05/07/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000021 | 1201020212 | Nguyễn Thu       | Huyền | 01/01/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000022 | 1201020218 | Nguyễn Lê Đăng   | Khánh | 14/07/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000023 | 1201020222 | Thân Tuấn        | Kiệt  | 17/08/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000024 | 1201020231 | Nguyễn Lê Phương | Lan   | 16/12/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000025 | 1201021763 | Đặng Thị Thùy    | Linh  | 28/09/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000026 | 1201020646 | Đinh Thị Diệu    | Linh  | 16/08/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000027 | 1201020251 | Nguyễn Thái Thùy | Linh  | 05/05/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000028 | 1201021495 | Phạm Phương      | Linh  | 19/07/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000029 | 1201020267 | Trần Hồng        | Loan  | 25/07/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000030 | 1201020276 | Đỗ Thị Khánh     | Ly    | 10/12/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000031 | 1201020288 | Nguyễn Thị Như   | Mai   | 25/11/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm             | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|--------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000032 | 1201020297 | Hoàng Thị Trà      | My     | 22/12/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000033 | 1201021497 | Đoàn Thị Thu       | Nga    | 29/07/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000034 | 1201020311 | Lê Thị             | Ngân   | 02/04/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000035 | 1201021500 | Ngô Thị Mỹ         | Ngọc   | 05/10/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000036 | 1201020333 | Khương Thị Uyên    | Nhi    | 26/08/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000037 | 1201020350 | Nguyễn Thị Kim     | Oanh   | 09/03/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000038 | 1201021787 | Lý Thu             | Phương | 14/10/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000039 | 1201020367 | Vũ Minh            | Quang  | 25/08/2005 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000040 | 1201021506 | Hoàng Ngọc         | Sơn    | 17/04/2004 | KD12A | 01     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 10  | 000041 | 1201020384 | Đàm Thanh          | Thảo   | 02/08/2005 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000042 | 1001020279 | Nguyễn Phương      | Thảo   | 30/10/2004 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000043 | 1201020395 | Trần Thị Thanh     | Thảo   | 04/09/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000044 | 1101021039 | Vũ Thị             | Thảo   | 13/01/2005 | KD12A | 01     |          |        |       |        | HP      |
| 14  | 000045 | 1201020399 | Đỗ Thị             | Thu    | 30/08/2005 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000046 | 1201020410 | Nguyễn Anh         | Thư    | 21/12/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000047 | 1201020419 | Vũ Thị Thu         | Thủy   | 22/07/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000048 | 1201020428 | Đinh Quỳnh         | Trang  | 09/10/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000049 | 1201021514 | Nguyễn Huyền       | Trang  | 23/12/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000050 | 1201020438 | Nguyễn Quỳnh       | Trang  | 04/12/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000051 | 1201020448 | Phạm Hà            | Trang  | 11/12/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000052 | 1201021517 | Vũ Thị Thu         | Trang  | 19/07/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 22  | 000053 | 1201020461 | Nguyễn Đăng        | Tuấn   | 26/09/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000054 | 1201020470 | Phạm Hồng          | Vân    | 31/12/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000055 | 1201020479 | Lê Thị             | Vui    | 04/12/2005 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000056 | 1201020487 | Dư Hải             | Yến    | 11/08/2006 | KD12A | 01     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000057 | 1201020051 | Dương Huyền Phương | Anh    | 30/10/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000058 | 1201020080 | Phạm Huyền         | Anh    | 03/07/2005 | KD12B | 02     |          |        |       |        | ĐK      |
| 28  | 000059 | 1201020089 | Trần Thị Ngọc      | Anh    | 30/08/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000060 | 1201020095 | Hoàng Thị Kim      | Ánh    | 02/09/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000061 | 1201020103 | Đoàn Linh          | Chi    | 24/04/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000062 | 1201020110 | Tăng Yến           | Chi    | 19/10/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-----------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000063 | 1201021817 | Nguyễn Trung    | Đức    | 01/07/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000064 | 1201020126 | Trần Thị Phương | Dung   | 14/03/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000065 | 1201021800 | Nguyễn Đức      | Dũng   | 06/01/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000066 | 1201020131 | Đỗ Thị Ánh      | Dương  | 19/06/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000067 | 1201021695 | Nguyễn Thị Thùy | Dương  | 08/03/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000068 | 1201020142 | Lại Hương       | Giang  | 01/01/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000069 | 1201020151 | Nguyễn Thúy     | Hà     | 10/05/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000070 | 1201021811 | Phạm Thị Thúy   | Hằng   | 02/07/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000071 | 1201021776 | Đỗ Thanh        | Hiền   | 25/10/2004 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000072 | 1201020177 | Lê Thị Quỳnh    | Hoa    | 28/09/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000073 | 1201020181 | Hoàng Thu       | Hoài   | 04/02/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000074 | 1201021774 | Hà Hoàng Quỳnh  | Hương  | 28/06/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 13  | 000075 | 1201020197 | Nguyễn Thị Thu  | Hương  | 06/11/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000076 | 1201021490 | Vũ Khánh        | Huyền  | 18/03/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000077 | 1201020232 | Nguyễn Thị      | Lan    | 11/10/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000078 | 1201021492 | Đào Thị Khánh   | Linh   | 26/10/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000079 | 1201020258 | Trần Ngọc       | Linh   | 30/06/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000080 | 1201020263 | Lê Thanh        | Loan   | 24/10/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000081 | 1201020268 | Nguyễn Thành    | Long   | 22/04/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000082 | 1201020277 | Lê Cẩm          | Ly     | 16/01/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000083 | 1201020298 | Lê Thị Huyền    | My     | 22/07/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000084 | 1201021771 | Nguyễn Thị      | Nga    | 20/09/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000085 | 1201020308 | Khương Thị      | Ngân   | 02/05/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000086 | 1201020312 | Nguyễn Thị Kim  | Ngân   | 14/08/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000087 | 1201020325 | Vũ Minh         | Nguyệt | 06/07/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000088 | 1201020335 | Nguyễn Nguyệt   | Nhi    | 20/10/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000089 | 1201021773 | Hoàng Tuyết     | Nhung  | 08/10/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000090 | 1201020359 | Ngô Thị Minh    | Phương | 19/02/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000091 | 1201020368 | Ngô Ngọc        | Quyên  | 03/03/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000092 | 1201020385 | Đỗ Phương       | Thảo   | 19/01/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000093 | 1201021810 | Nguyễn Phương   | Thảo   | 01/07/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm            | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-------------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000094 | 1201020393 | Nguyễn Thị Phương | Thảo  | 17/08/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000095 | 1201020400 | Lê Hoàng Minh     | Thu   | 02/08/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000096 | 1201021645 | Phùng Thị Minh    | Thư   | 24/08/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 4   | 000097 | 1201020413 | Nguyễn Thị Thanh  | Thúy  | 12/05/2003 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000098 | 1201020422 | Hoàng Kim         | Tiếp  | 25/10/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000099 | 1201020423 | Trần Thị          | Toán  | 28/03/2000 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000100 | 1201021644 | Đinh Thị Quỳnh    | Trang | 25/04/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000101 | 1201020439 | Nguyễn Quỳnh      | Trang | 30/06/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000102 | 1201020449 | Phạm Thị Huyền    | Trang | 03/01/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000103 | 1201020462 | Nguyễn Thị        | Tươi  | 05/01/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000104 | 1201020471 | Đỗ Thị Cẩm        | Vi    | 16/10/2005 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000105 | 1201021144 | Hoàng Lan         | Vy    | 22/08/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000106 | 1201020489 | Lưu Thị Hải       | Yến   | 26/10/2006 | KD12B | 02     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000107 | 1201020052 | Dương Thị Phương  | Anh   | 05/05/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000108 | 1201021655 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Anh   | 30/11/2005 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000109 | 1201020072 | Nguyễn Quỳnh      | Anh   | 17/04/2004 | KD12C | 03     |          |        |       |        | ĐK      |
| 17  | 000110 | 1201020074 | Nguyễn Thị Lan    | Anh   | 16/06/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000111 | 1201020081 | Phạm Ngọc         | Anh   | 28/07/2005 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000112 | 1201020090 | Trần Thị Phương   | Anh   | 19/04/2005 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000113 | 1201020105 | Lê Thị Quỳnh      | Chi   | 18/08/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000114 | 1201020111 | Đỗ Thị            | Cúc   | 03/01/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000115 | 1201020494 | Trịnh Tuấn        | Đạt   | 28/06/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000116 | 1201021603 | Bùi Quỳnh         | Diễm  | 25/02/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000117 | 1201020117 | Lê Thị Huyền      | Diệu  | 24/08/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000118 | 1201021807 | Ngô Thị           | Dung  | 08/12/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000119 | 1201020136 | Nguyễn Thùy       | Dương | 28/06/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000120 | 1201021671 | Nguyễn Thị Hương  | Giang | 28/05/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000121 | 1201021486 | Trần Thị Thúy     | Hà    | 15/02/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000122 | 1201020165 | Phạm Việt         | Hằng  | 07/11/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000123 | 1201020168 | Đỗ Thị Thu        | Hiền  | 14/07/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000124 | 1201021770 | Nguyễn Văn        | Hiếu  | 19/11/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000125 | 1201020182 | Sái Thị Thu      | Hoài   | 18/11/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        | ĐK      |
| 2   | 000126 | 1201020191 | Lò Thị           | Hương  | 08/11/2005 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000127 | 1201020202 | Dương Khánh      | Huyền  | 08/06/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000128 | 1201021791 | Nguyễn Đan       | Khanh  | 17/12/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000129 | 1201020220 | Phùng Hữu        | Khánh  | 03/09/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000130 | 1201020224 | Nguyễn Thị Thanh | Lam    | 18/08/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000131 | 1201020233 | Nguyễn Thị Ngọc  | Lan    | 01/09/2005 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000132 | 1201021783 | Đỗ Thị Khánh     | Linh   | 13/03/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000133 | 1201021704 | Nguyễn Thị Hoài  | Linh   | 15/12/2005 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000134 | 1201020261 | Vũ Thị Thùy      | Linh   | 13/10/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 11  | 000135 | 1201020269 | Lê Văn           | Luân   | 21/08/2004 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000136 | 1201020278 | Nguyễn Khánh     | Ly     | 20/11/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000137 | 1201020306 | Nguyễn Thị Quỳnh | Nga    | 16/12/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000138 | 1201021601 | Nguyễn Thị Kim   | Ngân   | 07/10/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000139 | 1201020318 | Nguyễn Minh      | Ngọc   | 24/11/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000140 | 1201020319 | Phạm Bích        | Ngọc   | 20/08/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000141 | 1201020327 | Nguyễn Thị       | Nhài   | 08/12/2005 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000142 | 1201021501 | Phạm Hoàng Bảo   | Nhi    | 20/08/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000143 | 1201021819 | Nguyễn Thị Hồng  | Nhung  | 03/01/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000144 | 1201020352 | Bùi Thu          | Phương | 08/09/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000145 | 1201020362 | Phùng Minh       | Phương | 21/01/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000146 | 1201021805 | Ngô Thị Thuý     | Quỳnh  | 04/08/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000147 | 1201020377 | Trần Thị Minh    | Tâm    | 24/03/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000148 | 1201020388 | Lê Thị           | Thảo   | 05/11/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000149 | 1201020402 | Bùi Anh          | Thư    | 24/07/2005 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000150 | 1201020415 | Đào Thị Thanh    | Thùy   | 30/04/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000151 | 1201021820 | Nguyễn Mai       | Trang  | 06/06/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000152 | 1201021751 | Nguyễn Thị Huyền | Trang  | 02/02/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000153 | 1201020447 | Nguyễn Thùy      | Trang  | 23/04/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000154 | 1201020450 | Phạm Thị Ngọc    | Trang  | 06/07/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000155 | 1201021777 | Trần Đình        | Trung  | 03/04/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm            | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-------------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000156 | 1201020465 | Nguyễn Tú         | Uyên  | 26/04/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000157 | 1201020473 | Nguyễn Khánh      | Vi    | 23/04/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000158 | 1201020482 | Đình Kiều         | Xuân  | 06/05/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000159 | 1201021606 | Nguyễn Thị Hải    | Yến   | 23/07/2006 | KD12C | 03     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000160 | 1201021806 | Lê Hải            | Anh   | 21/10/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000161 | 1201021672 | Nguyễn Thị Kiều   | Anh   | 09/06/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000162 | 1201020075 | Nguyễn Thị Phương | Anh   | 28/10/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000163 | 1201021669 | Phan Thị Ngọc     | Anh   | 01/01/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000164 | 1201020091 | Trần Thị Vân      | Anh   | 27/10/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000165 | 1201021637 | Nguyễn Hồng       | Ánh   | 25/09/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000166 | 1201020106 | Lý Quỳnh          | Chi   | 31/03/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000167 | 1201021790 | Lê Mạnh           | Cường | 06/12/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000168 | 1201021477 | Phạm Lệ           | Diễm  | 23/06/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000169 | 1201020125 | Nguyễn Thị Thùy   | Dung  | 26/04/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000170 | 1201020132 | Đỗ Thị Quỳnh      | Dương | 31/07/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000171 | 1201020144 | Trần Hương        | Giang | 22/11/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000172 | 1201020152 | Vũ Nguyễn Nguyệt  | Hà    | 02/01/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 18  | 000173 | 1201020157 | Đặng Thị          | Hân   | 08/04/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000174 | 1201020166 | Lê Mỹ             | Hạnh  | 13/11/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000175 | 1201020174 | Dương Xuân        | Hình  | 11/01/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000176 | 1201021488 | Ngô Thị Thu       | Hương | 09/10/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000177 | 1201020209 | Nguyễn Thị        | Huyền | 27/10/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000178 | 1201021656 | Nguyễn Lê         | Khanh | 07/04/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000179 | 1201021815 | Nguyễn Đăng       | Khôi  | 09/12/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000180 | 1201020225 | Lê Thanh          | Lâm   | 30/09/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000181 | 1201020234 | Trần Thị Ngọc     | Lan   | 02/03/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000182 | 1201020241 | Dư Thị Thùy       | Linh  | 08/03/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000183 | 1201020254 | Nguyễn Thị Thùy   | Linh  | 25/04/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000184 | 1201020270 | Nguyễn Thị Huyền  | Lương | 22/08/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000185 | 1201020280 | Phạm Quỳnh        | Ly    | 29/08/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000186 | 1201020291 | Vũ Thị Huệ        | Mẫn   | 15/11/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm            | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000187 | 1201020292 | Bùi Thị Ngọc      | Minh   | 01/09/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000188 | 1201020300 | Nguyễn Thị Trà    | My     | 14/03/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000189 | 1201020307 | Chu Thị Phương    | Ngân   | 03/06/2004 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000190 | 1201021708 | Quách Thanh       | Ngọc   | 14/08/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000191 | 1201020322 | Đoàn Nhật         | Nguyên | 19/08/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000192 | 1201020330 | Đặng Thị Yến      | Nhi    | 21/09/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000193 | 1201020339 | Trần Ánh          | Nhi    | 13/06/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000194 | 1201020347 | Nguyễn Thị Thùy   | Ninh   | 03/10/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000195 | 1201020353 | Chích Hoàng       | Phương | 16/07/2005 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000196 | 1201020363 | Trần Phan Thanh   | Phương | 06/12/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000197 | 1201020371 | Nguyễn Như        | Quỳnh  | 10/10/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000198 | 1201020378 | Lê Hoàng          | Tân    | 04/12/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000199 | 1201020389 | Lê Thị Huyền      | Thảo   | 27/10/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000200 | 1201020394 | Nguyễn Thị Phương | Thảo   | 17/06/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000201 | 1201020416 | Đào Thanh         | Thủy   | 19/09/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000202 | 1201020424 | Đoàn Thị Thu      | Trà    | 07/03/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000203 | 1201020431 | Hoàng Thị Thu     | Trang  | 19/01/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000204 | 1201020435 | Nguyễn Ngọc       | Trang  | 09/11/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000205 | 1201020443 | Nguyễn Thị Thu    | Trang  | 23/03/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000206 | 1201020451 | Phạm Thu          | Trang  | 29/06/2005 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000207 | 1201020453 | Trần Huyền        | Trang  | 29/07/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000208 | 1201020466 | Phạm Thị Hoàng    | Uyên   | 14/04/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000209 | 1201020475 | Đinh Văn          | Vĩ     | 10/02/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000210 | 1201020483 | Đào Nguyễn Như    | Ý      | 25/02/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000211 | 1201020491 | Vũ Hải            | Yến    | 07/12/2006 | KD12D | 04     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000212 | 1201020056 | Lê Ngọc           | Anh    | 13/07/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000213 | 1201020068 | Nguyễn Phương     | Anh    | 10/12/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000214 | 1201020076 | Nguyễn Thị Vân    | Anh    | 04/10/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000215 | 1201020083 | Phan Thị Quỳnh    | Anh    | 23/11/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000216 | 1201020096 | Nguyễn Ngọc       | Ánh    | 08/04/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000217 | 1201020107 | Nguyễn Linh       | Chi    | 04/09/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-----------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000218 | 1201020112 | Phùng Mạnh      | Cường  | 06/01/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000219 | 1201020113 | Trịnh Thị       | Diễm   | 12/05/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000220 | 1201020116 | Phạm Lê Ngọc    | Diệp   | 25/12/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000221 | 1201021693 | Hà Thị          | Dịu    | 05/12/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000222 | 1201020133 | Lê Thùy         | Dương  | 24/04/2005 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000223 | 1201021665 | Vũ Thùy         | Dương  | 22/02/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000224 | 1201020146 | Đào Thu         | Hà     | 04/05/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000225 | 1201021822 | Vũ Thị          | Hà     | 16/01/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000226 | 1201020158 | Nguyễn Ngọc     | Hân    | 06/11/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000227 | 1201021487 | Lục Thúy        | Hạnh   | 24/11/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000228 | 1201020169 | Đỗ Thu          | Hiền   | 29/03/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000229 | 1201020175 | Đỗ Quỳnh        | Hoa    | 05/07/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000230 | 1201020184 | Nguyễn Thị      | Hồng   | 06/02/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000231 | 1201020192 | Ngô Thu         | Hương  | 04/06/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000232 | 1201020200 | Nguyễn Khánh    | Hường  | 28/12/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000233 | 1201020210 | Nguyễn Thị Thu  | Huyền  | 23/12/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000234 | 1201020216 | Ngô Ngọc        | Khánh  | 04/10/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000235 | 1201020221 | Hoàng Thị       | Khuê   | 13/01/2005 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000236 | 1201020226 | Nguyễn Bảo      | Lâm    | 14/10/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000237 | 1201020236 | Vũ Thị Kim      | Lan    | 18/01/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000238 | 1201020245 | Lã Thị Phương   | Linh   | 06/11/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000239 | 1201020264 | Lê Thị Kiều     | Loan   | 03/04/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000240 | 1201020272 | Đào Thị Thanh   | Luyến  | 30/06/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000241 | 1201020285 | Đỗ Ngọc         | Mai    | 02/11/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000242 | 1201021654 | Trương Thị Ngọc | Mai    | 04/10/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000243 | 1201020293 | Đỗ Đức          | Minh   | 18/05/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000244 | 1201021707 | Đỗ Thị          | Na     | 03/12/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000245 | 1201020314 | Phạm Hồng       | Ngát   | 06/04/2005 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000246 | 1201020320 | Trịnh Minh      | Ngọc   | 28/12/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000247 | 1201021600 | Nguyễn Thảo     | Nguyên | 16/09/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000248 | 1201021813 | Đỗ Trần Yến     | Nhi    | 07/06/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000249 | 1201020341 | Trương Thị Yến   | Nhi    | 04/10/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000250 | 1201020343 | Nguyễn Thị Huyền | Như    | 03/02/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        | ĐK      |
| 3   | 000251 | 1201020348 | Trần Thị Ánh     | Ninh   | 23/08/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000252 | 1201020354 | Đặng Thị Minh    | Phương | 21/12/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000253 | 1201021666 | Trần Thị Minh    | Phương | 03/12/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000254 | 1201021505 | Nguyễn Như       | Quỳnh  | 09/01/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000255 | 1201020379 | Đinh Phương      | Thanh  | 13/08/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000256 | 1201020390 | Lê Thị Phương    | Thảo   | 23/02/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000257 | 1201020404 | Lê Anh           | Thư    | 12/11/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000258 | 1201020417 | Trần Thu         | Thủy   | 19/08/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000259 | 1201021670 | Đỗ Thị           | Trâm   | 03/07/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000260 | 1201020432 | Lê Mai           | Trang  | 14/11/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000261 | 1201020436 | Nguyễn Quỳnh     | Trang  | 25/08/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000262 | 1201020446 | Nguyễn Thùy      | Trang  | 10/01/2005 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000263 | 1201020452 | Thân Hiền        | Trang  | 08/03/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000264 | 1201020684 | Nguyễn Thanh     | Tú     | 23/10/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000265 | 1201020468 | Lê Thùy          | Vân    | 17/09/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000266 | 1201020476 | Ngô Lê Hoàng     | Việt   | 14/07/2006 | KD12E | 05     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000267 | 1201020057 | Lê Nhật          | Anh    | 14/01/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000268 | 1201020069 | Nguyễn Phương    | Anh    | 16/11/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000269 | 1201020077 | Nguyễn Thùy      | Anh    | 02/07/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000270 | 1201020084 | Phùng Quỳnh      | Anh    | 05/06/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000271 | 1201020093 | Bùi Thị Ngọc     | Ánh    | 22/04/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000272 | 1201020097 | Nguyễn Thị Ngọc  | Ánh    | 30/07/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000273 | 1201020108 | Nguyễn Mai       | Chi    | 31/05/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000274 | 1201021823 | Dương Thị Anh    | Đào    | 26/09/2004 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000275 | 1201020114 | Hoàng Thị        | Điềm   | 10/01/2005 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000276 | 1201020120 | Nguyễn Thị       | Dịu    | 15/12/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000277 | 1201020127 | Đỗ Tiến          | Dũng   | 19/02/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000278 | 1201020134 | Ngô Thùy         | Dương  | 10/07/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000279 | 1201020139 | Vũ Đức           | Duy    | 22/10/2003 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000280 | 1201020153 | Vũ Thị Thu       | Hà     | 22/06/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000281 | 1201020156 | Ngô Thị Thanh    | Hải    | 11/09/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000282 | 1201020159 | Phạm Thị Thùy    | Hân    | 04/07/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000283 | 1201020167 | Ngô Minh         | Hạnh   | 17/02/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000284 | 1201021801 | Đỗ Thị Thu       | Hiền   | 24/08/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000285 | 1201020171 | Phạm Ngọc        | Hiền   | 23/07/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000286 | 1201020176 | Đoàn Thị Phương  | Hoa    | 30/10/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000287 | 1201020186 | Trần Thị Hồng    | Huế    | 16/11/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000288 | 1201020195 | Nguyễn Thanh     | Hương  | 11/02/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000289 | 1201020201 | Nguyễn Quang     | Huy    | 29/01/2004 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000290 | 1201020211 | Nguyễn Thị Thu   | Huyền  | 05/06/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000291 | 1201020217 | Nguyễn Bá        | Khánh  | 01/08/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000292 | 1201021491 | Đặng Trung       | Kiên   | 23/09/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000293 | 1201020230 | Bùi Thị Ngọc     | Lan    | 30/04/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000294 | 1201020239 | Chu Khánh        | Linh   | 28/12/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000295 | 1201020249 | Nguyễn Hoàng     | Linh   | 13/07/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000296 | 1201020265 | Ngô Thị Phương   | Loan   | 06/06/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000297 | 1201020274 | Chu Thị Hương    | Ly     | 22/01/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000298 | 1201020286 | Đỗ Thị Thu       | Mai    | 22/12/2005 | KD12G | 06     |          |        |       |        | ĐK      |
| 20  | 000299 | 1201020295 | Nguyễn Tiến      | Minh   | 23/10/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000300 | 1201020303 | Đinh Ngọc        | Nam    | 10/11/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000301 | 1201020310 | Lê Bảo           | Ngân   | 05/06/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000302 | 1201020315 | Mã Đình          | Nghiêm | 11/04/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000303 | 1201020332 | Hoàng Thị Trang  | Nhi    | 20/01/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000304 | 1201020342 | Lê Quỳnh         | Như    | 12/02/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000305 | 1201020349 | Nguyễn Thị Kim   | Oanh   | 28/12/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000306 | 1201020351 | Trần Đức         | Phát   | 02/08/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000307 | 1201020357 | Đỗ Thu           | Phương | 05/12/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000308 | 1201020364 | Đặng Thị         | Phượng | 16/07/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000309 | 1201020372 | Nguyễn Thị Hương | Quỳnh  | 04/12/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000310 | 1201020383 | Chu Thạch        | Thảo   | 31/01/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm            | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-------------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000311 | 1201020391 | Nguyễn Phương     | Thảo  | 19/04/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000312 | 1201020396 | Vũ Thanh          | Thảo  | 20/09/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000313 | 1201020406 | Lê Hoàng Minh     | Thư   | 15/12/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000314 | 1201020418 | Vũ Thị Thu        | Thủy  | 28/09/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000315 | 1201020426 | Nguyễn Đình Huệ   | Trâm  | 17/08/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000316 | 1201020429 | Đỗ Thị            | Trang | 04/12/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000317 | 1201020434 | Nguyễn Huyền      | Trang | 15/10/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000318 | 1201020437 | Nguyễn Quỳnh      | Trang | 03/07/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        | ĐK      |
| 9   | 000319 | 1201021638 | Đặng Kiên         | Trung | 23/09/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000320 | 1201020460 | Bùi Văn           | Tuấn  | 01/01/2000 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000321 | 1201020469 | Nguyễn Hải        | Vân   | 19/03/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000322 | 1201020478 | Đào Minh          | Vũ    | 07/10/2006 | KD12G | 06     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000323 | 1201061519 | Bùi Xuân          | An    | 10/01/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000324 | 1201060492 | Phạm Thị Ngọc     | Anh   | 10/06/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000325 | 1201061634 | Tăng Hà Kiều      | Anh   | 04/05/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000326 | 1201061522 | Trịnh Thị Yến     | Chi   | 11/02/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000327 | 1201060496 | Nguyễn Anh        | Dũng  | 19/08/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 18  | 000328 | 1201061523 | Nguyễn Tiến       | Dũng  | 18/05/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 19  | 000329 | 1201060497 | Hoàng Thị         | Duyên | 05/08/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000330 | 1201060499 | Nguyễn Hương      | Giang | 28/12/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000331 | 1201061524 | Vũ Thu            | Hà    | 01/05/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 22  | 000332 | 1201060504 | Lê Thanh          | Hoa   | 19/07/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000333 | 1201060505 | Nguyễn Đức        | Hoàng | 29/06/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000334 | 1201061525 | Phan Huy          | Hoàng | 10/10/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000335 | 1201060507 | Đoàn Quang        | Huy   | 04/07/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000336 | 1201060511 | Lê Thị Hoài       | Linh  | 01/01/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000337 | 1201060513 | Nguyễn Khánh      | Ly    | 09/05/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 28  | 000338 | 1201060515 | Nguyễn Hồng       | Minh  | 27/10/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 29  | 000339 | 1201060516 | Lưu Quỳnh         | Nga   | 05/04/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 30  | 000340 | 1201060517 | Nguyễn Thị Phương | Nga   | 14/02/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000341 | 1201060518 | Nguyễn Thị Ánh    | Ngọc  | 01/09/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-----------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000342 | 1201060519 | Lèng Thái       | Nguyên | 25/10/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000343 | 1201060520 | Ngô Long        | Nhật   | 27/10/2003 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000344 | 1201060523 | Đào Thị         | Quỳnh  | 16/05/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000345 | 1201060524 | Phạm Thanh      | Tâm    | 17/07/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000346 | 1201060525 | Lê Thị Thu      | Thảo   | 31/07/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000347 | 1201060526 | Nguyễn Thanh    | Thảo   | 11/11/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000348 | 1201060527 | Bùi Ánh         | Thư    | 25/07/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000349 | 1201060529 | Đoàn Phúc       | Toàn   | 01/11/2005 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000350 | 1201060425 | Đỗ Thị Quỳnh    | Trâm   | 28/12/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 10  | 000351 | 1201060532 | Nguyễn Thị Kiều | Trang  | 05/05/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000352 | 1201060533 | Nguyễn Đức      | Trung  | 12/02/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000353 | 1201060534 | Vương Tuấn      | Tú     | 04/09/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 13  | 000354 | 1201060535 | Vũ Duy          | Vũ     | 23/06/2006 | KA12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 14  | 000355 | 1201060537 | Vũ Thị Thảo     | Vy     | 16/11/2005 | KA12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 15  | 000356 | 1201020063 | Nguyễn Châu     | Anh    | 06/03/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000357 | 1201020071 | Nguyễn Quỳnh    | Anh    | 17/11/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000358 | 1201020082 | Phạm Trần Hải   | Anh    | 11/11/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000359 | 1201020099 | Vương Thị Ngọc  | Ánh    | 03/12/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000360 | 1201020121 | Đỗ Trung        | Đoàn   | 20/11/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000361 | 1201020122 | Bùi Minh        | Đức    | 22/05/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000362 | 1201020124 | Lục Hoàng Thùy  | Dung   | 02/07/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000363 | 1201020129 | Trần Trung      | Dũng   | 12/11/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 23  | 000364 | 1201020259 | Trương Ngọc     | Linh   | 25/12/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000365 | 1201020282 | Bùi Thanh       | Mai    | 27/07/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000366 | 1201020294 | Lê Quang        | Minh   | 25/09/2003 | KC12A | 08     |          |        |       |        | ĐK      |
| 26  | 000367 | 1201021804 | Mai Kim Thành   | Minh   | 09/12/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000368 | 1201021000 | Nguyễn Thị Minh | Ngọc   | 26/10/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000369 | 1201020338 | Tăng Hoàng Yến  | Nhi    | 27/05/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000370 | 1201020376 | Nguyễn Mai      | Tâm    | 02/01/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000371 | 1201021511 | Nguyễn Minh     | Thu    | 14/08/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000372 | 1201020472 | Nguyễn Huyền    | Vi     | 17/09/2006 | KC12A | 08     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Excel căn bản

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-----------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000373 | 0901030331 | Vũ Thị Mỹ       | Hảo    | 26/09/2003 | KD9N  | 08     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000374 | 1001020926 | Phạm Thị Thúy   | An     | 11/11/2004 | KD11C | 09     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000375 | 1201070623 | Đặng Thái       | Anh    | 12/09/2006 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000376 | 1201070625 | Lưu Quỳnh       | Anh    | 05/06/2006 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000377 | 1201070637 | Hoàng Thị Thu   | Hiền   | 21/01/2006 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000378 | 1201070638 | Nguyễn Thu      | Hiền   | 21/05/2006 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000379 | 1201070639 | Lê Trung        | Hiếu   | 01/06/2006 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000380 | 1201070641 | Nguyễn Thị      | Huế    | 27/07/2006 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000381 | 1201070642 | Đinh Quang      | Huy    | 06/03/2006 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000382 | 1201070656 | Hoàng Khánh     | Ngọc   | 27/08/2006 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000383 | 1201070661 | Thiều Quý       | Phúc   | 02/04/2005 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000384 | 1201070681 | Trần Thị Quỳnh  | Trang  | 11/11/2006 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000385 | 1201070690 | Đào Hải         | Yến    | 24/09/2006 | KL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000386 | 1201070628 | Vũ Tú           | Anh    | 04/01/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000387 | 1201070631 | Hoàng Thị Linh  | Chiên  | 06/03/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000388 | 1201070632 | Nguyễn Quốc     | Cường  | 05/05/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000389 | 1201070636 | Phạm Thu        | Hà     | 13/06/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000390 | 1201070644 | Trần Thị Phương | Lan    | 19/02/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000391 | 1201070647 | Lê Thị Mỹ       | Linh   | 10/10/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000392 | 1201070649 | Phạm Công       | Linh   | 17/10/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000393 | 1201070658 | Nguyễn Hồng     | Nhung  | 09/07/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000394 | 1201070663 | Nguyễn Thị      | Phương | 31/05/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000395 | 1201070668 | Tạ Khắc         | Sơn    | 05/12/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000396 | 1201070671 | Hà Phương       | Thanh  | 13/07/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000397 | 1201070672 | Nguyễn Thu      | Thảo   | 11/10/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000398 | 1201070677 | Ngô Thị Hương   | Trà    | 28/12/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000399 | 1201070680 | Lê Huyền        | Trang  | 02/02/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000400 | 1201070682 | Đinh Vũ Việt    | Trình  | 01/10/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000401 | 1201070687 | Hoàng Quốc      | Việt   | 03/02/2005 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000402 | 1201070688 | Nguyễn Thành    | Vinh   | 02/02/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000403 | 1201070689 | Hồ Thảo         | Vy     | 28/10/2006 | QL12A | 09     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|----------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000404 | 0901030724 | Đỗ Xuân        | Thành | 01/07/2003 | TC9B  | 09     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 2   | 000405 | 1201040003 | Đỗ Duy         | Anh   | 29/11/2004 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000406 | 1201040006 | Lê Đỗ Kiều     | Anh   | 24/10/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000407 | 1201040009 | Vũ Thị Hồng    | Ánh   | 16/06/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000408 | 1201041667 | Nguyễn Lâm     | Bình  | 30/10/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000409 | 1201040012 | Lê Đăng        | Định  | 01/07/2005 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000410 | 1201041784 | Nguyễn Minh    | Đức   | 28/01/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000411 | 1201040016 | Nguyễn Trường  | Giang | 09/11/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000412 | 1201040017 | Nguyễn Hồng    | Hạnh  | 16/10/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000413 | 1201040020 | Võ Thị         | Huệ   | 18/04/2005 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000414 | 1201040021 | Đặng Duy       | Hưng  | 07/10/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000415 | 1201040022 | Bùi Trịnh Việt | Huy   | 03/09/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000416 | 1201040023 | Nguyễn Mạnh    | Huy   | 15/01/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000417 | 1201041470 | Thạch Thu      | Huyền | 19/08/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000418 | 1201040025 | Dương Quốc     | Khánh | 30/08/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000419 | 1201040026 | Dương Diệu     | Linh  | 28/09/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000420 | 1201040027 | Nguyễn Thùy    | Linh  | 04/01/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000421 | 1201040028 | Phạm Thị Thảo  | Linh  | 27/09/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000422 | 1201040030 | Ninh Hoàng     | Long  | 24/06/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000423 | 1201040031 | Hoàng Tuấn     | Minh  | 07/03/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000424 | 1201040659 | Đình Hoàng     | Phong | 17/09/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000425 | 1201040036 | Phạm Minh      | Tài   | 11/01/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000426 | 1201040037 | Nguyễn Tiến    | Thành | 02/06/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000427 | 1201040039 | Ngô Thị Minh   | Thư   | 20/08/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000428 | 1201040042 | Đỗ Quỳnh       | Trang | 23/06/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000429 | 1201040043 | Đặng Anh       | Tuấn  | 08/03/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000430 | 1201040045 | Phạm Anh       | Vũ    | 27/06/2006 | CT12A | 10     |          |        |       |        | ĐK      |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm          | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-----------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000431 | 1201081639 | Nguyễn Thu      | An    | 07/03/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000432 | 1201080541 | Lê Tuấn         | Anh   | 09/04/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000433 | 1201080545 | Trần Thị Vân    | Anh   | 23/07/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000434 | 1201080546 | Trương Hà       | Anh   | 28/12/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000435 | 1201081526 | Vũ Quỳnh        | Anh   | 08/09/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000436 | 1201081793 | Nguyễn Công     | Bách  | 11/09/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000437 | 1201080550 | Nguyễn Bá       | Đức   | 10/09/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000438 | 1201080551 | Nguyễn Minh     | Đức   | 07/10/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000439 | 1201080552 | Phạm Hoàng      | Đức   | 02/02/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000440 | 1201081718 | Trương Thanh    | Đức   | 08/03/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000441 | 1201080554 | Ngô Hoàng Ánh   | Dương | 07/01/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000442 | 1201080555 | Phạm Quang      | Dương | 24/12/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 13  | 000443 | 1201080557 | Nguyễn Thị Mỹ   | Duyên | 22/10/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000444 | 1201080558 | Phạm Mỹ         | Duyên | 07/12/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000445 | 1201080560 | Nguyễn Thị Ngân | Giang | 08/07/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        | ĐK      |
| 16  | 000446 | 1201081788 | Đỗ Thị Thu      | Huệ   | 04/04/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000447 | 1201080565 | Lê Thế          | Hưng  | 21/08/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000448 | 1201080567 | Lê Thị Mỹ       | Linh  | 24/08/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000449 | 1201080568 | Lương Thùy      | Linh  | 26/10/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000450 | 1201081720 | Ngô Mai         | Linh  | 21/12/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 21  | 000451 | 1201080569 | Ngô Thị Phương  | Linh  | 26/03/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000452 | 1201080573 | Nguyễn Tuấn     | Long  | 04/03/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000453 | 1201081765 | Đỗ Thị Thanh    | Mai   | 18/04/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000454 | 1201080579 | Trần Thanh      | Mai   | 09/10/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000455 | 1201080580 | Nguyễn Đức      | Mạnh  | 12/12/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        | ĐK      |
| 26  | 000456 | 1201080581 | Vũ Duy          | Mạnh  | 07/12/2005 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000457 | 1201080582 | Đỗ Thị Ngọc     | Minh  | 16/05/2004 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000458 | 1201080583 | Nguyễn Trà      | My    | 06/11/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000459 | 1201080585 | Nguyễn Thu      | Ngân  | 06/09/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000460 | 1201080586 | Lê Hồng         | Ngọc  | 19/12/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000461 | 1201080589 | Lê Yến          | Nhi   | 06/11/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        | HP,ĐK   |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm            | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000462 | 1201081664 | Nguyễn Thị Quỳnh  | Như    | 03/02/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000463 | 1201080594 | Vũ Trang          | Nhung  | 24/09/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000464 | 1201080595 | Bùi Thị Kim       | Oanh   | 02/09/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000465 | 1201080597 | Võ Hồng           | Phúc   | 24/09/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000466 | 1201081812 | Mai Thiên         | Tài    | 04/08/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000467 | 1201080602 | Lê Phương         | Thảo   | 25/09/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000468 | 1201081604 | Ngô Thanh         | Thảo   | 22/09/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000469 | 1201080603 | Nguyễn Thu        | Thảo   | 24/11/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000470 | 1201081799 | Dương Đình        | Thị    | 14/06/2004 | TM12A | 11     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 10  | 000471 | 1201080604 | Hoàng Thị Mến     | Thương | 20/07/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000472 | 1201080608 | Nguyễn Thị Thanh  | Thúy   | 31/05/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000473 | 1201081534 | Lê Ánh            | Thùy   | 27/02/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000474 | 1201080609 | Nguyễn Bích       | Thùy   | 04/04/2005 | TM12A | 11     |          |        |       |        | ĐK      |
| 14  | 000475 | 1201080612 | Lê Thị Thu        | Trang  | 23/02/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000476 | 1201080615 | Nguyễn Thị Phương | Uyên   | 15/12/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000477 | 1201080620 | Đào Thị           | Yến    | 18/04/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000478 | 1201080621 | Doãn Hải          | Yến    | 11/07/2006 | TM12A | 11     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000479 | 0901080176 | Nguyễn Huyền      | Đức    | 01/07/2000 | TM9A  | 11     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000480 | 0901010189 | Nguyễn Hoàng      | Phúc   | 02/08/2003 | NH11A | 12     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000481 | 1201011772 | Đào Phương        | Anh    | 02/03/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000482 | 1201011153 | Đỗ Quỳnh          | Anh    | 27/09/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000483 | 1201011154 | Đới Thị Phương    | Anh    | 05/03/2005 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000484 | 1201011161 | Lê Thế            | Anh    | 27/05/2005 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000485 | 1201011166 | Ngô Thu           | Anh    | 18/07/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000486 | 1201011173 | Nguyễn Quỳnh      | Anh    | 04/03/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000487 | 1201011180 | Phan Lan          | Anh    | 10/08/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000488 | 1201011184 | Trần Thị Trâm     | Anh    | 01/05/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000489 | 1201011677 | Lê Hồng           | Ánh    | 30/11/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000490 | 1201011195 | Đỗ Khánh          | Chi    | 24/08/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000491 | 1201011203 | Đỗ Tiến           | Đạt    | 28/12/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000492 | 1201011209 | La Thị Thu        | Dung   | 23/07/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-----------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000493 | 1201011218 | Trần Thuý       | Dương  | 09/05/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000494 | 1201011219 | Nguyễn Khánh    | Duy    | 06/10/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000495 | 1201011222 | Phạm Thị Mỹ     | Duyên  | 18/03/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000496 | 1201010812 | Nguyễn Thái     | Hà     | 30/09/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000497 | 1201011231 | Vũ Thị Thu      | Hà     | 27/07/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000498 | 1201011241 | Phạm Thu        | Hằng   | 26/09/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000499 | 1201011255 | Lê Thị          | Hiếu   | 21/07/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000500 | 1201011257 | Nguyễn Minh     | Hiếu   | 16/04/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        | HP      |
| 9   | 000501 | 1201011264 | Đàm Thu         | Hoài   | 17/09/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000502 | 1201011588 | Hoàng Thị       | Huệ    | 21/06/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000503 | 1201011789 | Phạm Hải        | Huy    | 20/01/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000504 | 1201011291 | Bùi Thị         | Lan    | 26/11/2005 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000505 | 1201011595 | Nghiêm Thùy     | Linh   | 11/11/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000506 | 1201011303 | Nguyễn Hà       | Linh   | 25/09/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000507 | 1201011305 | Nguyễn Khánh    | Linh   | 20/06/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000508 | 1201011310 | Nguyễn Thùy     | Linh   | 03/02/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000509 | 1201011316 | Trịnh Lê Khánh  | Linh   | 16/01/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000510 | 1201011328 | Nguyễn Thị Ngọc | Mai    | 09/09/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000511 | 1201011329 | Phạm Ngọc       | Mai    | 27/05/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000512 | 1201011332 | Bùi Tiến        | Minh   | 19/12/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000513 | 1201011334 | Đinh Nhật       | Minh   | 25/11/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000514 | 1201011342 | Nguyễn Trà      | My     | 08/05/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 23  | 000515 | 1201011349 | Nguyễn Thị Kim  | Ngân   | 12/11/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000516 | 1201011354 | Lưu Minh        | Ngọc   | 17/10/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000517 | 1201011358 | Dư Thị Thảo     | Nguyễn | 17/01/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000518 | 1201011362 | Bùi Phan Hà     | Nhi    | 17/03/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        | ĐK      |
| 27  | 000519 | 1201011365 | Nguyễn Thị Yến  | Nhi    | 18/02/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        | ĐK      |
| 28  | 000520 | 1201011367 | Đỗ Hồng         | Nhung  | 16/02/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000521 | 1201011380 | Hoàng Lan       | Phương | 13/08/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000522 | 1201011382 | Nguyễn Nam      | Phương | 01/10/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000523 | 1201011391 | Nguyễn Mạnh     | Quyền  | 11/10/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|----------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000524 | 1201011397 | Trần Thái      | Sơn   | 16/06/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        | HP      |
| 2   | 000525 | 1201011399 | Đỗ Thanh       | Tâm   | 16/09/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000526 | 1201011401 | Nguyễn Minh    | Tâm   | 07/05/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000527 | 1201011406 | Hà Phương      | Thảo  | 11/12/2004 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000528 | 1201011602 | Phạm Phương    | Thảo  | 29/09/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000529 | 1201011413 | Mai Tiến       | Thọ   | 25/03/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000530 | 1201011420 | Nguyễn Thị     | Thư   | 16/06/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000531 | 1201011423 | Lê Thị         | Thùy  | 09/09/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000532 | 1201011630 | Lưu Quỳnh      | Trâm  | 16/07/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000533 | 1201011437 | Đỗ Hà          | Trình | 04/11/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000534 | 1201011440 | Hoàng Ngọc     | Tú    | 03/01/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000535 | 1201011449 | Nguyễn Xuân    | Tùng  | 27/12/2006 | TC12A | 12     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000536 | 1201011160 | Lê Mai         | Anh   | 24/10/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000537 | 1201011171 | Nguyễn Phương  | Anh   | 15/09/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000538 | 1201011581 | Nguyễn Thị Lan | Anh   | 01/07/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000539 | 1201011179 | Phạm Thị Vân   | Anh   | 09/03/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000540 | 1201011183 | Trần Phương    | Anh   | 06/07/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000541 | 1201011187 | Vũ Lan         | Anh   | 26/03/2005 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000542 | 1201011192 | Phí Thái       | Bảo   | 14/03/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000543 | 1201011584 | Trần Tuấn      | Đạt   | 30/09/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000544 | 1201011212 | Lưu Mạnh       | Dũng  | 20/03/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        | ĐK      |
| 22  | 000545 | 1201011673 | Vũ Trần Quang  | Dương | 12/08/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 23  | 000546 | 1201011220 | Vũ Thành       | Duy   | 01/07/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        | ĐK      |
| 24  | 000547 | 1201011227 | Doãn Thị       | Hà    | 20/05/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000548 | 1201011229 | Nguyễn Vũ Hải  | Hà    | 23/06/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000549 | 1201011233 | Đỗ Ngọc        | Hải   | 20/08/2005 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000550 | 1201011242 | Ngô Thị Thu    | Hạnh  | 14/10/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000551 | 1201011245 | Nguyễn Thu     | Hiền  | 24/07/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000552 | 1201011256 | Nguyễn Đình    | Hiếu  | 29/08/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000553 | 1201011259 | Nguyễn Phương  | Hoa   | 04/08/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000554 | 1201011757 | Nguyễn Xuân    | Hoàng | 03/10/2000 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-----------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000555 | 1201011275 | Phạm Phan Diệu  | Hương  | 14/02/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000556 | 1201011282 | Hoàng Thanh     | Huyền  | 23/07/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000557 | 1201011284 | Lê Duy          | Khánh  | 06/08/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 4   | 000558 | 1201011285 | Lê Thiệu        | Khánh  | 08/10/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        | ĐK      |
| 5   | 000559 | 1201011301 | Mai Thùy        | Linh   | 21/11/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000560 | 1201011302 | Nguyễn Diệu     | Linh   | 04/03/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000561 | 1201011304 | Nguyễn Khánh    | Linh   | 18/07/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000562 | 1201011306 | Nguyễn Khánh    | Linh   | 27/05/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000563 | 1201011311 | Nguyễn Thùy     | Linh   | 15/03/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000564 | 1201011782 | Trần Khánh      | Linh   | 14/02/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000565 | 1201011321 | Dương Hoàng     | Long   | 14/09/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000566 | 1201011786 | Nguyễn Thị Xuân | Mai    | 27/04/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000567 | 1201011333 | Chu Quang       | Minh   | 02/02/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000568 | 1201011335 | Lưu Quang       | Minh   | 08/08/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000569 | 1201011598 | Nguyễn Tân Hoàn | Mỹ     | 28/09/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000570 | 1201011352 | Bùi Minh        | Ngọc   | 03/08/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000571 | 1201011356 | Trần Hồng       | Ngọc   | 01/12/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000572 | 1201011360 | Nguyễn Thảo     | Nguyễn | 30/01/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000573 | 1201011363 | Đoàn Yến        | Nhi    | 10/12/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        | HP      |
| 20  | 000574 | 1201011366 | Phạm Lan        | Nhi    | 13/09/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000575 | 1201011370 | Vũ Thị          | Nhung  | 15/06/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000576 | 1201010660 | Nguyễn Nam      | Phong  | 02/06/2002 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000577 | 1201011373 | Trần Quang      | Phú    | 02/01/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000578 | 1201011381 | Nguyễn Linh     | Phương | 18/04/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000579 | 1201011385 | Trần Mai Thu    | Phương | 21/12/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000580 | 1201011387 | Lèng Đức        | Quang  | 12/02/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000581 | 1201011531 | Hoàng Cao       | Quyết  | 19/04/2005 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000582 | 1201011398 | Đỗ Ngọc Minh    | Tâm    | 01/11/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000583 | 1201011400 | Nguyễn Đức      | Tâm    | 27/04/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000584 | 1201011404 | Lê Thị          | Thanh  | 08/07/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 31  | 000585 | 1201011060 | Nguyễn Phương   | Thảo   | 18/06/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000586 | 1201011411 | Trương Thị Thanh | Thảo   | 31/03/2005 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000587 | 1201011421 | Hà Bách          | Thuận  | 25/12/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000588 | 1201011428 | Phùng Hương      | Trà    | 27/07/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000589 | 1201011439 | Bùi Duy          | Trưởng | 19/01/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000590 | 1201011442 | Nguyễn Anh       | Tú     | 23/09/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000591 | 1201011658 | Lê Ngọc Thảo     | Vy     | 24/07/2006 | TC12B | 13     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000592 | 1201011155 | Giang Đức        | Anh    | 25/09/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000593 | 1201011156 | Hoàng Diệp       | Anh    | 09/01/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000594 | 1201011158 | Hoàng Mai        | Anh    | 22/05/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000595 | 1201011652 | Lê Thị Quỳnh     | Anh    | 25/08/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000596 | 1201011640 | Nguyễn Duy       | Anh    | 12/11/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000597 | 1201011172 | Nguyễn Phương    | Anh    | 01/08/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000598 | 1201010731 | Phạm Thị Phương  | Anh    | 31/12/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000599 | 1201011186 | Võ Phan          | Anh    | 01/03/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000600 | 1201011188 | Hà Thị Nguyệt    | Ánh    | 13/12/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000601 | 1201011199 | Đỗ Trung         | Chiến  | 26/06/2005 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000602 | 1201011202 | Đình Hoàng       | Đạt    | 16/08/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000603 | 1201011206 | Trần Quốc        | Đạt    | 09/07/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000604 | 1201011211 | Lưu Mạnh         | Dũng   | 10/10/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000605 | 1201011221 | Phạm Thị Hồng    | Duyên  | 22/08/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000606 | 1201011232 | Bùi Hoàng        | Hải    | 07/08/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000607 | 1201011240 | Nguyễn Thị Thu   | Hằng   | 09/10/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000608 | 1201011252 | Nguyễn Vi        | Hiệp   | 26/05/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000609 | 1201011266 | Vũ Đức           | Hoàng  | 09/10/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000610 | 1201011795 | Đình Việt        | Hùng   | 26/02/2005 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000611 | 1201011274 | Nguyễn Thị Thu   | Hương  | 10/12/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000612 | 1201011276 | Lê Quang         | Huy    | 26/06/2005 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000613 | 1201011279 | Nông Hoàng       | Huy    | 20/05/2004 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000614 | 1201011281 | Vũ Đình          | Huyền  | 07/08/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000615 | 1201011809 | Phạm Duy         | Khánh  | 22/03/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000616 | 1201011294 | Đinh Thị Diệu    | Linh   | 02/01/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000617 | 1201011296 | Hoàng Diệu       | Linh   | 09/06/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000618 | 1201011298 | Hoàng Thùy       | Linh   | 15/10/2005 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000619 | 1201011313 | Tạ Khánh         | Linh   | 20/06/2005 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000620 | 1201011318 | Vũ Diệu          | Linh   | 30/08/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000621 | 1201011336 | Luyện Quang      | Minh   | 01/10/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000622 | 1201011341 | Nguyễn Hà        | My     | 04/09/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000623 | 1201011797 | Lê Huy           | Nam    | 10/02/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000624 | 1201011348 | Nguyễn Thị       | Ngân   | 28/04/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000625 | 1201011357 | Đồng Minh        | Nguyên | 06/06/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000626 | 1201011620 | Vũ Phương        | Oanh   | 05/11/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000627 | 1201011375 | Nguyễn Tuấn      | Phúc   | 27/04/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000628 | 1201011378 | Đàm Quỳnh        | Phương | 15/04/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000629 | 1201011383 | Nguyễn Thị Thanh | Phương | 29/09/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000630 | 1201011393 | Phí Như          | Quỳnh  | 09/09/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000631 | 1201011395 | Nguyễn Hùng      | Son    | 16/08/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000632 | 1201011415 | Bùi Duy          | Thông  | 05/02/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000633 | 1201011417 | Lương Thị Khánh  | Thư    | 30/03/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000634 | 1201011425 | Đặng Thu         | Trà    | 04/11/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000635 | 1201011631 | Phan Anh         | Tú     | 22/10/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000636 | 1201011444 | Nguyễn Đắc       | Tuấn   | 01/05/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000637 | 1201011632 | Nguyễn Chí       | Uy     | 25/07/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000638 | 1201011465 | Nguyễn Thị Hải   | Yến    | 23/03/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000639 | 0901070873 | Nguyễn Trà       | My     | 13/09/2003 | TM9A  | 14     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 25  | 000640 | 1201011676 | Hồ Thị Quỳnh     | Anh    | 01/09/2005 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000641 | 1201011157 | Hoàng Kỳ         | Anh    | 13/09/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 27  | 000642 | 1201011159 | Hoàng Tuấn       | Anh    | 25/01/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        | HP      |
| 28  | 000643 | 1201011163 | Lê Thị Tú        | Anh    | 15/11/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        | HP      |
| 29  | 000644 | 1201011169 | Nguyễn Lan       | Anh    | 28/08/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000645 | 1201011181 | Phùng Thị Phương | Anh    | 26/09/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|----------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000646 | 1201011201 | Đoàn Thị       | Chinh | 20/06/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000647 | 1201011583 | Nguyễn Tuấn    | Đạt   | 03/04/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000648 | 1201011207 | Trần Tuấn      | Đức   | 27/09/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000649 | 1201011214 | Phạm Trung     | Dũng  | 04/09/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        | ĐK      |
| 5   | 000650 | 1201011223 | Nguyễn Trường  | Giang | 25/09/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 6   | 000651 | 1201011237 | Nguyễn Ngọc    | Hân   | 28/10/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000652 | 1201011248 | Vũ Thị Minh    | Hiền  | 14/03/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000653 | 1201011253 | Hoàng Minh     | Hiếu  | 24/09/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000654 | 1201011258 | Nông Trung     | Hiếu  | 26/07/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000655 | 1201011265 | Lê Huy         | Hoàng | 06/01/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000656 | 1201011270 | Vũ Thị Thu     | Huệ   | 25/05/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000657 | 1201011273 | Nguyễn Đức     | Hung  | 18/01/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000658 | 1201011778 | Ngô Thị Thúy   | Hường | 02/11/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000659 | 1201011278 | Nguyễn Quang   | Huy   | 05/01/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000660 | 1201011280 | Nông Thái      | Huy   | 20/10/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000661 | 1201011590 | Lưu Thị        | Huyền | 27/07/2005 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000662 | 1201011289 | Phạm Đăng      | Khoa  | 09/11/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000663 | 1201011293 | Vũ Thành       | Liêm  | 03/01/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000664 | 1201011593 | Hồ Thị Diệu    | Linh  | 04/01/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000665 | 1201011297 | Hoàng Khánh    | Linh  | 08/01/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000666 | 1201011312 | Phạm Hồng      | Linh  | 28/09/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000667 | 1201011315 | Trần Thị Khánh | Linh  | 20/12/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000668 | 1201011324 | Đào Khánh      | Ly    | 30/10/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        | ĐK      |
| 24  | 000669 | 1201010960 | Trần Đăng      | Mạnh  | 30/05/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000670 | 1201011340 | Lê Thị Trà     | My    | 15/12/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000671 | 1201011343 | Nguyễn Trà     | My    | 10/01/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000672 | 1201011345 | Trần Hoàng     | Nam   | 19/10/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000673 | 1201011353 | Đỗ Thị Bích    | Ngọc  | 26/07/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000674 | 1201011594 | Lò Hoàng Khánh | Nhi   | 28/05/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        | ĐK      |
| 30  | 000675 | 1201011374 | Đặng Thanh     | Phúc  | 06/01/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm            | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000676 | 1201011379 | Đào Minh          | Phương | 13/02/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000677 | 1201011386 | Nguyễn Đức        | Quân   | 12/06/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000678 | 1201011394 | Giáp Hồng         | Sơn    | 24/07/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000679 | 1201011396 | Nguyễn Thế        | Sơn    | 30/12/2005 | NH12B | 15     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 5   | 000680 | 1201011403 | Đào Tất           | Thắng  | 20/01/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000681 | 1201011418 | Nguyễn Anh        | Thư    | 27/02/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000682 | 1201011434 | Nguyễn Thùy       | Trang  | 03/12/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000683 | 1201011443 | Hoàng Anh         | Tuấn   | 04/05/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        | ĐK      |
| 9   | 000684 | 1201011447 | Trần Bùi          | Tuấn   | 06/06/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000685 | 1201011456 | Nguyễn Văn        | Việt   | 30/06/2005 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000686 | 1201011466 | Trần Hải          | Yến    | 08/03/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000687 | 1201031781 | Doãn Thị Quỳnh    | Anh    | 20/10/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000688 | 1201030703 | Hồ Vũ Văn         | Anh    | 31/10/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000689 | 1201030710 | Lưu Ngọc          | Anh    | 11/11/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000690 | 1201030715 | Nguyễn Đức Duy    | Anh    | 22/05/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 16  | 000691 | 1201030720 | Nguyễn Phú        | Anh    | 18/10/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000692 | 1201030728 | Nguyễn Tú         | Anh    | 15/11/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000693 | 1201030730 | Phạm Thị Mai      | Anh    | 17/02/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000694 | 1201031538 | Quản Văn          | Anh    | 04/05/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | ĐK      |
| 20  | 000695 | 1201030748 | Doãn Quang        | Bách   | 21/03/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000696 | 1201030760 | Vũ Thị Kim        | Chi    | 24/08/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000697 | 1201030767 | Triệu Biên        | Cương  | 27/05/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000698 | 1201030774 | Nguyễn Thành      | Đạt    | 08/11/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000699 | 1201030778 | Đỗ Huyền          | Diệp   | 09/04/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000700 | 1201030785 | Nguyễn Tiến       | Đức    | 18/05/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000701 | 1201030794 | Lương Chí         | Dũng   | 25/08/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | ĐK      |
| 27  | 000702 | 1201030798 | Lê Đan            | Dương  | 13/04/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000703 | 1201030804 | Nguyễn Đoàn Phong | Duy    | 19/04/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000704 | 1201030808 | Vũ Thị            | Duyên  | 12/02/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000705 | 1201031548 | Đỗ Ngọc           | Hà     | 08/12/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000706 | 1201030822 | Vũ Hồng          | Hạnh   | 20/02/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000707 | 1201031733 | Bùi Đăng Minh    | Hiền   | 08/10/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | ĐK      |
| 3   | 000708 | 1201030840 | Lê Thanh         | Hoa    | 19/06/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000709 | 1201030843 | Hà Thu           | Hoài   | 27/09/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000710 | 1201030848 | Đỗ Ánh           | Hồng   | 22/07/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000711 | 1201030855 | Đồng Mạnh        | Hùng   | 12/09/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000712 | 1201031775 | Phạm Thị         | Hường  | 01/02/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000713 | 1201030879 | Đỗ Nam           | Khánh  | 13/03/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | ĐK      |
| 9   | 000714 | 1201030887 | Trịnh Hoàng Phú  | Khánh  | 18/05/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | ĐK      |
| 10  | 000715 | 1201030891 | Trần Việt        | Khoa   | 25/01/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | ĐK      |
| 11  | 000716 | 1201030908 | Đỗ Quang         | Linh   | 12/10/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000717 | 1201030911 | Hoàng Thị Thùy   | Linh   | 12/07/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000718 | 1201030928 | Phạm Khánh       | Linh   | 22/06/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | ĐK      |
| 14  | 000719 | 1201030933 | Phan Thùy        | Linh   | 15/08/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000720 | 1201031767 | Dương Đức        | Long   | 10/09/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000721 | 1201030954 | Thắm Phương      | Mai    | 13/05/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000722 | 1201030965 | Nguyễn Hoàng Anh | Minh   | 03/07/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | ĐK      |
| 18  | 000723 | 1201031651 | Trần Danh        | Minh   | 08/08/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000724 | 1201030972 | Vũ Phạm Đức      | Minh   | 28/12/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000725 | 1201030982 | Vũ Hải           | Nam    | 13/11/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | ĐK      |
| 21  | 000726 | 1201031562 | Chu Đỗ Khánh     | Ngọc   | 28/02/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000727 | 1201031009 | Nguyễn Quỳnh     | Như    | 04/06/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000728 | 1201031018 | Đỗ Thị Mai       | Phương | 03/01/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000729 | 1201031794 | Nguyễn Thị Vãn   | Phương | 11/06/2005 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000730 | 1201031037 | Nguyễn Thị Lệ    | Quyên  | 03/11/2005 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000731 | 1201031043 | Nguyễn Duy       | Sang   | 22/07/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000732 | 1201031056 | Trương Công      | Thành  | 13/01/2001 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000733 | 1201031711 | Lê Thị           | Thảo   | 12/01/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000734 | 1201031070 | Hồ Thị           | Thoa   | 05/05/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000735 | 1201031684 | Nguyễn Thị       | Thúy   | 25/09/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000736 | 1201031106 | Tạ Nguyễn Quỳnh  | Trang | 27/11/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000737 | 1201031110 | Hà Tuấn          | Triệu | 30/11/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000738 | 1201031122 | Vũ Anh           | Tuấn  | 25/07/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000739 | 1201031130 | Bùi Phạm Phương  | Uyên  | 14/05/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000740 | 1201031143 | Nguyễn Long      | Vũ    | 12/08/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        | ĐK      |
| 6   | 000741 | 1201030701 | Đoàn Vy          | Anh   | 25/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        | ĐK      |
| 7   | 000742 | 1201030706 | Lê Đức           | Anh   | 02/03/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000743 | 1201030712 | Mai Đức          | Anh   | 01/02/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000744 | 1201031814 | Nguyễn Hoài      | Anh   | 11/05/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000745 | 1201030723 | Nguyễn Quang     | Anh   | 21/06/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 11  | 000746 | 1201030733 | Quách Thị Phương | Anh   | 07/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000747 | 1201030749 | Phạm Băng        | Băng  | 13/06/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000748 | 1201030770 | Trịnh Đình       | Cường | 08/12/2005 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000749 | 1201030782 | Nguyễn Anh       | Đức   | 11/03/2005 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000750 | 1201030790 | Hoàng Ngọc       | Dung  | 15/05/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000751 | 1201030800 | Nguyễn Khánh     | Dương | 21/05/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000752 | 1201030805 | Nguyễn Đức       | Duy   | 02/08/2001 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000753 | 1201030809 | Trần Hương       | Giang | 30/11/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000754 | 1201031662 | Nguyễn Văn       | Hà    | 07/09/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 20  | 000755 | 1201030818 | Đinh Thị Thanh   | Hằng  | 04/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000756 | 1201030828 | Nguyễn Thị       | Hiền  | 16/12/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000757 | 1201030832 | Hà Văn           | Hiếu  | 24/04/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000758 | 1201030841 | Nguyễn Thị       | Hoa   | 11/07/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000759 | 1201030844 | Nguyễn Thị       | Hoài  | 12/07/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000760 | 1201030851 | Cao Đình         | Huân  | 24/08/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000761 | 1201030852 | Nguyễn Thị       | Huệ   | 11/07/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000762 | 1201030856 | Ngô Việt         | Hùng  | 01/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000763 | 1201031650 | Nguyễn Trung     | Hưng  | 18/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000764 | 1201030868 | Nguyễn Quang     | Huy   | 09/07/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000765 | 1201030882 | Nguyễn Duy       | Khánh | 03/06/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm            | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000766 | 1201031636 | Nguyễn Trung      | Kiên   | 29/09/2003 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000767 | 1201030909 | Đỗ Thị Diệu       | Linh   | 28/08/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000768 | 1201030919 | Nguyễn Lê Phương  | Linh   | 17/12/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000769 | 1201030931 | Phạm Thùy         | Linh   | 15/02/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000770 | 1201030934 | Tô Thị Yến        | Linh   | 25/12/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000771 | 1201030944 | Nhữ Ngọc          | Long   | 26/03/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        | ĐK      |
| 7   | 000772 | 1201030947 | Nguyễn Hữu Thành  | Luân   | 28/04/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000773 | 1201030956 | Đào Đức           | Mạnh   | 28/06/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000774 | 1201030970 | Trần Quang        | Minh   | 08/02/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000775 | 1201031560 | Lê Đặng Trà       | My     | 20/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000776 | 1201030983 | Trịnh Kế          | Năng   | 09/01/2005 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000777 | 1201030995 | Doãn Thị          | Ngọc   | 10/09/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000778 | 1201031003 | Nguyễn Thị Minh   | Nguyệt | 01/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000779 | 1201031012 | Lưu Hồng          | Nhung  | 27/12/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000780 | 1201031038 | Nguyễn Thị Thu    | Quyên  | 21/03/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000781 | 1201031051 | Dương Duy         | Thái   | 01/09/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000782 | 1201031057 | Đào Thị Phương    | Thảo   | 28/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000783 | 1201031061 | Nguyễn Phương     | Thảo   | 25/02/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000784 | 1201031071 | Đặng Kim          | Thu    | 10/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000785 | 1201031574 | Đào Thanh         | Trà    | 23/11/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000786 | 1201031099 | Nguyễn Thị Hồng   | Trang  | 26/05/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000787 | 1201031107 | Trịnh Thùy        | Trang  | 21/09/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000788 | 1201031111 | Nguyễn Quốc       | Triệu  | 26/09/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000789 | 1201031127 | Trần Anh          | Tuyên  | 05/05/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000790 | 1201031132 | Hà Thị Mỹ         | Uyên   | 19/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000791 | 1201031150 | Lê Ngọc           | Yến    | 31/01/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000792 | 1201030702 | Dương Thị Quỳnh   | Anh    | 14/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000793 | 1201030707 | Lê Hồ Tuyết       | Anh    | 20/10/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000794 | 1201030713 | Nguyễn Bùi Phương | Anh    | 21/04/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000795 | 1201030719 | Nguyễn Như Quỳnh  | Anh    | 13/03/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000796 | 1201030734 | Quản Văn         | Anh   | 10/07/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000797 | 1201030746 | Vũ Ngọc          | Ánh   | 29/01/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000798 | 1201031769 | Nguyễn Đức       | Cảnh  | 13/03/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 4   | 000799 | 1201030765 | Đặng Biên        | Cương | 14/04/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000800 | 1201030771 | Bùi Hồng         | Đặng  | 17/10/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000801 | 1201030777 | Vũ Tiến          | Đạt   | 25/12/2005 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000802 | 1201030783 | Nguyễn Hữu Phú   | Đức   | 13/07/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000803 | 1201030792 | Phạm Thị Thùy    | Dung  | 30/10/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000804 | 1201030797 | Đình Thùy        | Dương | 22/03/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000805 | 1201030803 | Phạm Văn Hoàng   | Dương | 14/02/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000806 | 1201030806 | Nguyễn Hoàng     | Duy   | 06/01/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000807 | 1201030810 | Chu Thị          | Hà    | 13/05/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000808 | 1201030816 | Phạm Nam         | Hải   | 18/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000809 | 1201030819 | Mai Thị          | Hằng  | 05/11/2005 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000810 | 1201030834 | Nguyễn Trung     | Hiếu  | 25/07/1999 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000811 | 1201031553 | Bế Thị Thu       | Hoài  | 22/04/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000812 | 1201031764 | Nguyễn Huy       | Hoàng | 22/07/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 18  | 000813 | 1201030857 | Nguyễn Mạnh      | Hùng  | 27/11/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000814 | 1201030860 | Đỗ Duy           | Hưng  | 29/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        | HP      |
| 20  | 000815 | 1201031660 | Nguyễn Văn       | Hưng  | 05/12/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000816 | 1201030873 | Nguyễn Thị Khánh | Huyền | 25/04/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000817 | 1201030885 | Trần Văn         | Khánh | 02/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000818 | 1201030890 | Lý Duy           | Khoa  | 15/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000819 | 1201030900 | Phạm Chi         | Lan   | 12/04/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 25  | 000820 | 1201030904 | Đào Khánh        | Linh  | 20/03/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000821 | 1201030910 | Đoàn Thị Khánh   | Linh  | 19/01/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000822 | 1201030926 | Nguyễn Thị Ngọc  | Linh  | 21/04/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000823 | 1201030932 | Phan Thị Dương   | Linh  | 16/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 29  | 000824 | 1201030939 | Vũ Khánh         | Linh  | 25/01/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 30  | 000825 | 1201030946 | Vũ Xuân Hoàng    | Long  | 15/02/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm            | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-------------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000826 | 1201011292 | Nguyễn Thị        | Lan   | 25/05/2006 | NH12A | 14     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000827 | 1201011191 | Lê Gia            | Bảo   | 22/10/2006 | NH12B | 15     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 3   | 000828 | 1201011376 | Nguyễn Việt       | Phúc  | 15/02/2005 | NH12B | 15     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000829 | 1201030817 | Phạm Nguyễn Tuấn  | Hải   | 11/01/2003 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000830 | 1201031098 | Nguyễn Thị Hà     | Trang | 15/05/2006 | QT12A | 16     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000831 | 1201030889 | Vũ Quang Nam      | Khánh | 24/10/2006 | QT12B | 17     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000832 | 1201030725 | Nguyễn Thị Phương | Anh   | 05/02/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 8   | 000833 | 1201030950 | Dương Ánh         | Ly    | 07/08/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000834 | 1201030959 | Nguyễn Đức        | Mạnh  | 17/02/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000835 | 1201030971 | Trịnh Bảo         | Minh  | 15/07/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000836 | 1201030974 | Nguyễn Thị Trà    | My    | 10/03/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000837 | 1201030994 | Bùi Minh          | Ngọc  | 06/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000838 | 1201030997 | Lê Hà Tuấn        | Ngọc  | 21/08/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000839 | 1201031007 | Phạm Thị Yến      | Nhi   | 03/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000840 | 1201031035 | Vũ Đức            | Quân  | 05/03/2005 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000841 | 1201031041 | Nguyễn Thị Như    | Quỳnh | 09/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000842 | 1201031052 | Nguyễn Đình       | Thái  | 27/11/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000843 | 1201031058 | Đỗ Bích           | Thảo  | 15/11/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000844 | 1201031068 | Nguyễn Đức        | Thọ   | 17/11/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000845 | 1201031089 | Bùi Huyền         | Trang | 13/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000846 | 1201031096 | Nguyễn Quỳnh      | Trang | 01/01/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000847 | 1201031101 | Nguyễn Thị Thu    | Trang | 18/10/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000848 | 1201031109 | Vũ Thị Huyền      | Trang | 27/11/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000849 | 1201031121 | Phạm Đức Thái     | Tuấn  | 28/09/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000850 | 1201031129 | Nguyễn Văn        | Ước   | 28/03/2006 | QT12C | 18     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000851 | 1201031579 | Hoàng Danh        | Việt  | 16/11/2000 | QT12C | 18     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 27  | 000852 | 0901010354 | Nguyễn Thu        | Hằng  | 29/09/2003 | QT9B  | 18     |          |        |       |        |         |
| 28  | 000853 | 1201030695 | Đỗ Thành          | An    | 12/12/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm          | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-----------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000854 | 1201030705 | Hoàng Thị Mai   | Anh   | 16/11/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000855 | 1201030716 | Nguyễn Hà Hoàng | Anh   | 09/04/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        | ĐK      |
| 3   | 000856 | 1201031779 | Nguyễn Thị Vân  | Anh   | 12/08/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000857 | 1201030729 | Phạm Phương     | Anh   | 09/01/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000858 | 1201030738 | Trần Việt       | Anh   | 20/07/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        | ĐK      |
| 6   | 000859 | 1201030740 | Vũ Đặng Châu    | Anh   | 30/04/2005 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000860 | 1201030753 | Lý Mạnh         | Cao   | 22/10/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000861 | 1201030756 | Nguyễn Minh     | Châu  | 07/02/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000862 | 1201030766 | Đoàn Đại        | Cương | 08/09/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000863 | 1201030781 | Ngô Minh        | Đức   | 30/07/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000864 | 1201030787 | Phạm Văn        | Đức   | 26/09/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000865 | 1201030796 | Đặng Thùy       | Dương | 02/10/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000866 | 1201030807 | Trương Thị Mỹ   | Duyên | 10/09/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000867 | 1201031643 | Nguyễn Trường   | Giang | 24/03/2004 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000868 | 1201030813 | Phí Thu         | Hà    | 23/10/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000869 | 1201030825 | Nguyễn Hữu      | Hào   | 23/11/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000870 | 1201030835 | Phạm Trần       | Hiếu  | 25/12/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000871 | 1201030845 | Phạm Quốc       | Hoan  | 05/06/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000872 | 1201030859 | Đình Văn        | Hưng  | 14/04/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000873 | 1201030865 | Vũ Thị          | Hương | 17/09/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000874 | 1201030883 | Phạm Nam        | Khánh | 25/08/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 22  | 000875 | 1201030901 | Cao Thị Hồng    | Liên  | 28/07/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000876 | 1201030906 | Đình Phương     | Linh  | 31/08/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000877 | 1201030915 | Nguyễn Diệu     | Linh  | 18/08/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000878 | 1201030922 | Nguyễn Thị      | Linh  | 19/08/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000879 | 1201030930 | Phạm Thị Khánh  | Linh  | 03/12/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000880 | 1201031742 | Chu Huy         | Long  | 02/06/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm             | Tên    | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|--------------------|--------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000881 | 1201031798 | Phạm Hoàng         | Long   | 24/07/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000882 | 1201030949 | Đào Thị Cẩm        | Ly     | 02/10/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000883 | 1201030953 | Nguyễn Hoàng Tuyết | Mai    | 05/08/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000884 | 1201031649 | Đình Quang         | Minh   | 02/10/1999 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000885 | 1201030968 | Phạm Công          | Minh   | 23/07/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000886 | 1201030975 | Nguyễn Thị Trà     | My     | 08/10/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000887 | 1201030989 | Phạm Ngọc          | Ngân   | 24/05/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000888 | 1201031661 | Đặng Khánh         | Ngọc   | 24/02/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000889 | 1201031001 | Đình Thị Minh      | Nguyệt | 22/03/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000890 | 1201031015 | Trần Kim           | Oanh   | 19/09/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000891 | 1201031019 | Dương Thị Hà       | Phương | 12/09/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000892 | 1201031026 | Phạm Hà            | Phương | 11/07/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 13  | 000893 | 1201031039 | Vũ Thị Lệ          | Quyên  | 02/08/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000894 | 1201031605 | Trần Hoài          | Son    | 15/09/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000895 | 1201031053 | Nguyễn Văn         | Thái   | 05/06/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000896 | 1201031059 | Đoàn Thị Phương    | Thảo   | 28/09/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000897 | 1201031064 | Nguyễn Thị Phương  | Thảo   | 03/11/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 18  | 000898 | 1201031075 | Trần Thị           | Thu    | 12/08/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000899 | 1201031078 | Đỗ Thị             | Thủy   | 29/10/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000900 | 1201031080 | Hoàng Thị Thanh    | Thúy   | 02/01/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000901 | 1201031083 | Đặng Thị Thanh     | Thùy   | 03/09/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 22  | 000902 | 1201031087 | Lê Thị             | Trà    | 15/05/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000903 | 1201031093 | Ngô Thị Kiều       | Trang  | 21/03/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000904 | 1201031112 | Đặng Thị           | Trinh  | 29/01/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000905 | 1201031576 | Nguyễn Như Cẩm     | Tú     | 28/09/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000906 | 1201031125 | Nguyễn Xuân        | Tùng   | 17/11/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 27  | 000907 | 1201031134 | Nguyễn Phương      | Uyên   | 12/10/2005 | QM12A | 19     |          |        |       |        | ĐK      |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên   | Ngày sinh  | Lớp   | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|-------|------------|-------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000908 | 1201031137 | Nguyễn Văn       | Vĩ    | 12/07/2006 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000909 | 1201031816 | Lê Quang         | Vinh  | 25/01/2004 | QM12A | 19     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000910 | 1201030709 | Lê Thị Ngọc      | Anh   | 20/09/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 4   | 000911 | 1201030724 | Nguyễn Quỳnh     | Anh   | 10/04/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000912 | 1201031536 | Nguyễn Trâm      | Anh   | 09/02/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000913 | 1201031668 | Trần Đức         | Anh   | 27/09/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000914 | 1201030739 | Trương Thị Mai   | Anh   | 08/12/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000915 | 1201030741 | Vũ Lan           | Anh   | 17/02/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000916 | 1201030754 | Phan Thùy        | Châm  | 08/05/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000917 | 1201030761 | Đinh Thị         | Chiều | 09/09/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000918 | 1201030795 | Chu Thùy         | Dương | 09/08/2005 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000919 | 1201030799 | Lê Đăng          | Dương | 04/08/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        | ĐK      |
| 13  | 000920 | 1201031547 | Nguyễn Thị Hương | Giang | 30/06/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000921 | 1201030811 | Hoàng Thị Ngọc   | Hà    | 21/11/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000922 | 1201030824 | Lê Thanh         | Hào   | 17/12/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000923 | 1201030826 | Nguyễn Thanh     | Hiên  | 07/08/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000924 | 1201030836 | Trần Trung       | Hiếu  | 12/01/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        | ĐK      |
| 18  | 000925 | 1201031674 | Chu Mạnh         | Hùng  | 15/01/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000926 | 1201031554 | Lưu Thị          | Huyền | 20/06/2005 | QM12B | 20     |          |        |       |        | HP      |
| 20  | 000927 | 1201030895 | Nguyễn Văn       | Kiên  | 27/07/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        | ĐK      |
| 21  | 000928 | 1201030896 | Trần Thanh       | Lâm   | 08/02/2005 | QM12B | 20     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 22  | 000929 | 1201030905 | Đinh Nguyễn Hải  | Linh  | 19/03/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 23  | 000930 | 1201030914 | Ngô Thị          | Linh  | 04/01/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 24  | 000931 | 1201030916 | Nguyễn Hà Khánh  | Linh  | 05/09/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000932 | 1201030924 | Nguyễn Thị Khánh | Linh  | 13/11/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |
| 26  | 000933 | 1201030927 | Nguyễn Thùy      | Linh  | 08/12/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        | ĐK      |
| 27  | 000934 | 1201030929 | Phạm Thị         | Linh  | 18/10/2006 | QM12B | 20     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

*Học phần: Excel căn bản*

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|--------|------------|--------|----------|--------|-------|--------|---------|
| 1   | 000935 | 1201031647 | Phan Ngọc        | Linh   | 19/04/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 2   | 000936 | 1201031679 | Lâm Khánh Bảo    | Long   | 12/04/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 3   | 000937 | 1201030945 | Vũ Gia           | Long   | 18/01/2006 | 20     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 4   | 000938 | 1201031642 | Lê Tuyết         | Mai    | 10/11/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 5   | 000939 | 1201030964 | Nguyễn Hoàng     | Minh   | 13/03/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 6   | 000940 | 1201031747 | Bùi Thị Quỳnh    | Nga    | 03/01/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 7   | 000941 | 1201030993 | Phạm Thị         | Ngoan  | 19/10/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 8   | 000942 | 1201030999 | Lương Minh       | Ngọc   | 22/07/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 9   | 000943 | 1201031766 | Nguyễn Thị       | Oanh   | 11/06/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 10  | 000944 | 1201031017 | Trần Hồng        | Phúc   | 31/10/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 11  | 000945 | 1201031020 | Lê Thị Thu       | Phương | 29/10/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 12  | 000946 | 1201031027 | Đinh Thị         | Phượng | 02/09/2006 | 20     |          |        |       |        | HP,ĐK   |
| 13  | 000947 | 1201031036 | Nguyễn Đức       | Quang  | 07/08/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 14  | 000948 | 1201030667 | Đỗ Ngọc          | Sáng   | 22/11/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 15  | 000949 | 1201031046 | Phạm Thái        | Sơn    | 21/07/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 16  | 000950 | 1201031569 | Lê Thanh         | Tâm    | 06/06/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 17  | 000951 | 1201031055 | Phạm Tiến        | Thành  | 08/09/2006 | 20     |          |        |       |        | ĐK      |
| 18  | 000952 | 1201031077 | Ngô Thị Minh     | Thuy   | 11/09/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 19  | 000953 | 1201031079 | Nguyễn Thị Thanh | Thủy   | 04/07/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 20  | 000954 | 1201031082 | Nguyễn Thu       | Thúy   | 16/12/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 21  | 000955 | 1201031085 | Nguyễn Văn       | Tiến   | 14/06/2006 | 20     |          |        |       |        | ĐK      |
| 22  | 000956 | 1201031091 | Hà Kiều          | Trang  | 06/06/2003 | 20     |          |        |       |        |         |
| 23  | 000957 | 1201031095 | Nguyễn Quỳnh     | Trang  | 08/12/2006 | 20     |          |        |       |        | ĐK      |
| 24  | 000958 | 1201031575 | Nguyễn Việt      | Trinh  | 19/09/2006 | 20     |          |        |       |        |         |
| 25  | 000959 | 1201031116 | Nguyễn Thanh     | Tú     | 25/09/2006 | 20     |          |        |       |        | ĐK      |
| 26  | 000960 | 1201031753 | Bùi Ngọc         | Tuyền  | 06/08/2006 | 20     |          |        |       |        |         |

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 2

